TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chào.
2. Ông Nguyễn N Bờ.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 2 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị Kim T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 02, ấp BQII, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Phương B, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 03, ấp ML, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Chị T có mặt, anh B xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Châu Thị Kim T trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Trần Phương B tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh B không lo đến kinh tế gia đình và đôi bên đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có một con chung tên Châu Kim N, sinh ngày 14/2/2008. Hiện hai con chung đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

* Bị đơn anh Trần Phương B có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên tại phiên hòa giải trước đây anh B có ý kiến trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn của anh và chị T, anh thừa nhận giữa anh và chị T chưa đăng ký kết hôn, hiện đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên Châu Kim N, sinh ngày 14/2/2008. Hiện con chung đang sống với chị T, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị Châu Thị Kim T yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Phương B. Về con chung có 01 con tên Châu Kim N, sinh ngày 14/2/2008, chị T xin nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có. Do vậy, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị Châu Thị Kim T làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định. Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh B xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Châu Thị Kim T và anh Trần Phương B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên việc kết hôn giữa chị Châu Thị Kim T và anh Trần Phương B không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy việc chị T xin ly hôn với anh B và anh B cũng đồng ý ly hôn, nhưng vẫn không được xem xét mà căn

cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 không công nhận chị Châu Thị Kim T và anh Trần Phương B là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Kim N, sinh ngày 14/2/2008. Hiện con chung đang sống với chị T. Chị T và anh B thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dạy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận, hơn nữa theo nguyện vọng của cháu N cũng xin sống chung với chị T.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh B khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn với anh B nhưng Tòa án không công nhận chị T và anh B là vợ chồng, nên chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu 300.000đ nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017667 ngày 09/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Châu Thị Kim T và anh Trần Phương B là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Châu Kim N, sinh ngày 14/2/2008 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh B được quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh B khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017667 ngày 09/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu